

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **244/2021/HSST**

Ngày: 02/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 254/2021/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2021/QĐXXST-HS ngày 18/10/2021, đối với bị cáo:

Trần Văn L, tên gọi khác: M; sinh ngày 30/8/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số nhà 6/93 đường Đ, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Trần Văn N, sinh năm 1970; con bà: Đỗ Thị X, sinh năm 1970; vợ con: Chưa có.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với gia đình, học đến lớp 6/12 thì nghỉ học. Ngày 24/9/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 150/2014/HSPT). Ngày 21/02/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 34/2017/HSST). Ngày 20/9/2021, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Có 01 tiền sự;

Ngày 21/4/2021, bị Công an phường Phước Vĩnh, thành phố Huế xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số 5952/QĐ/XPVPHC).

Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Huế từ ngày 07/7/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Lê Văn N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thành phố Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trương Nhật N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: 234 đường H, phường A, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Bùi Văn T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thành phố Huế, vắng mặt.

Chị Võ Lê Hương G, sinh ngày 30/7/2003. Nơi cư trú: 17 đường T, phường A, thành phố Huế, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Võ Văn C, sinh năm 1971. Nơi cư trú: 17 đường T, phường A, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/7/2021, Trần Văn L và Trương Nhật N đến nhà anh Bùi Văn T ăn uống. Khi đi vệ sinh, L và N nhìn thấy nhà bên cạnh đang xây dựng có nhiều tấm sắt cốp pha và không có người trông coi nên cả hai thống nhất cùng nhau lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, anh T điều khiển xe mô tô của mình biển số 75F1-761.91 chở N và L về đường Đặng Huy T, thành phố Huế. Tại đây, N nói dối anh T cho mượn xe về nhà tắm, thay quần áo rồi quay lại nên anh T giao xe mô tô cho N mượn. Mượn được xe, N điều khiển chở L chạy lên lại thôn K, xã T để lấy trộm tài sản.

Khi đến nơi, N dừng xe lại ngồi đợi và cảnh giác, còn L lén lút bung trộm 8 tấm sắt cốp pha của anh Lê Văn N rồi đưa ra bỏ lên xe máy chở đến quầy thu mua phế liệu ở 17 đường T, phường A, thành phố Huế bán cho chị Võ Lê Hương G được số tiền 500.000 đồng. Sau đó N đưa xe mô tô 75F1-761.91 về trả lại cho anh T còn tiền có được chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: 08 tấm sắt cốp pha cùng kích cỡ, kích thước 26,5cm x 125cm đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 75F1-761.91.

Kết luận định giá tài sản số 158/ KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định tại thời điểm bị hiếp đoạt: 08 tấm sắt cốp pha ốp trụ, kích thước 26,5cm x 125cm, có giá trị là 560.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại cho anh Lê Văn N 08 tấm sắt cốp pha, trả cho anh Bùi Văn T 01 xe mô tô 75F1-761.91.

Về trách nhiệm dân sự: Anh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bị cáo và Trương Nhật N cùng nhau hoàn trả cho chị Võ Lê Hương G số tiền 500.000 đồng đã bỏ ra để mua tài sản. Chị G không có yêu cầu gì thêm.

Đối với Trương Nhật N, Công an thành phố Huế ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

Chị Võ Lê Hương G khi mua tài sản không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý.

Anh Bùi Văn T khi cho Trương Nhật N mượn xe mô tô 75F1-761.91 nhưng không biết N sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên không xem xét.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 351/CT-VKS ngày 15/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại 08 tấm sắt cho anh Lê Văn N, trả lại xe mô tô cho ông Bùi Văn T là đúng quy định của pháp luật; chị Võ Lê Hương G đã nhận đủ tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 06/7/2021, tại thôn K, xã T, thành phố Huế, Trần Văn L đã trộm cắp của anh Lê Văn N 08 tấm sắt cốt pha trị giá 560.000 đồng. Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp không được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nay lại tiếp tục trộm cắp tài sản nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt:

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo có nhân thân xấu, trước đó đã nhiều lần bị xử phạt tù, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, nhận thấy hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo mang tính cơ hội, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, khi phạm tội bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù với mức án phù hợp, bằng thời gian bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[7] Đối với Trương Nhật N, vào năm 2010 đã bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng đã được xóa án tích, do đó hành vi trộm cắp lần này không cấu thành tội phạm. Cơ quan công an thành phố Huế đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng vì có hành vi “Trộm cắp tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với hành vi của chị Võ Lê Hương G khi mua tài sản không biết đó là tài sản do L phạm tội mà có, nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã nhắc nhở rút kinh nghiệm là đúng pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 08 tấm sắt cốt pha và xe mô tô 75F1-761.91, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng

pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 03 (ba) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 07/7/2021.

Trả tự do cho bị cáo Trần Văn L ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

